

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1423** /UBND-KT

Hà Nội, ngày **28** tháng 3 năm 2017

V/v mô hình tổ chức thu và chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố

Kính gửi:

- Các Sở: Xây dựng, Tài chính;
- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội;
- UBND các quận, huyện, thị xã.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Tờ trình số 44/TTrLN:XD-TC-CTHN ngày 13/3/2017 của Liên ngành: Sở Xây dựng - Sở Tài chính - Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc mô hình tổ chức thu và giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về việc này, UBND Thành phố có ý kiến như sau:

Chấp thuận đề xuất của Liên ngành: Sở Xây dựng - Sở Tài chính - Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 44/TTrLN:XD-TC-CTHN ngày 13/3/2017, cụ thể:

1. Về mô hình tổ chức thu và chỉ tiêu thu giá dịch vụ

a. Mô hình thu giá dịch vụ:

- UBND các quận, huyện, thị xã giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc (được thành lập theo Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội) là đơn vị đầu mối trực tiếp tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác thu giá dịch vụ: phát hành hóa đơn, chứng từ, ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường; tổng hợp dự toán, quyết toán nguồn thu và chi phí phục vụ công tác thu; mở tài khoản tại kho bạc nhà nước để quản lý thu và chi các khoản liên quan đến công tác thu giá dịch vụ và duy tu, duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn; thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định...

- UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện và phối hợp chặt chẽ với UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thu giá dịch vụ, cụ thể:

+ UBND xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai đến tổ dân phố thực hiện thu "Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (thu của các hộ dân)" và thu "Giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với rác thải công nghiệp thông thường đối với các hộ sản xuất, kinh doanh" (phần 1 và mục 1 phần 2 Phụ lục kèm theo

Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND) theo hóa đơn, chứng từ thu giá dịch vụ do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cung cấp. UBND xã, phường, thị trấn lập dự toán phục vụ công tác thu gửi Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng để rà soát, tổng hợp chung.

+ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tổ chức thu "Giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với Trường học, nhà trẻ, khu nội trú, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, phòng giao dịch các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức, cơ sở khác" (mục 2, 3 phần 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND).

+ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tổng hợp dự toán phục vụ công tác thu giá dịch vụ của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và UBND xã, phường, thị trấn (đảm bảo không quá 10% số thu được theo quy định) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt để tổ chức thực hiện

b. Giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ cho các quận, huyện, thị xã:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

c. Chi phí phục vụ công tác thu (từ nguồn thu để lại tối đa không quá 10%):

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện:

+ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: thực hiện chế độ tiền lương, tiền công theo quy định.

+ UBND xã, phường, thị trấn: Căn cứ vào khối lượng công việc thực tế, nguồn thu được trích lại và tham khảo mặt bằng giá nhân công lao động thị trường trên địa bàn, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quy định mức chi cụ thể bồi dưỡng cho cá nhân (Tổ dân phố, thôn,..) trực tiếp thực hiện, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định.

- Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện thu: In ấn hóa đơn, chứng từ; Mua sắm vật tư, thiết bị, văn phòng phẩm; Thông in tuyên truyền; Hội nghị.

- Chi khác liên quan trực tiếp đến công tác thu giá dịch vụ.

d. Hóa đơn, chứng từ phục vụ công tác đi thu

Hóa đơn, chứng từ phục vụ công tác thu thực hiện theo đúng quy định và hướng dẫn của cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của UBND quận, huyện, thị xã và các Sở, ngành liên quan:

a. UBND quận, huyện, thị xã:

- Chỉ đạo rà soát số dân thực tế (có đối chiếu với Phần mềm quản lý dân cư); số lượng tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động khác trên địa bàn và khối lượng rác thải thực tế phát sinh gửi Sở Tài chính, Sở Xây dựng trước ngày **31/5/2017** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh chỉ tiêu giao thu giá dịch vụ cho phù hợp.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và UBND xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Sắp xếp bộ máy, chức năng nhiệm vụ cho các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng để đáp ứng nhiệm vụ.

- Hàng năm, dự kiến chỉ tiêu thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường gửi Sở Tài chính trước ngày 31/10 để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố làm cơ sở giao chỉ tiêu thu; Đồng thời, phê duyệt dự toán phục vụ công tác thu cho các đơn vị thực hiện.

- Hướng dẫn tổ chức thu, nộp tiền và sử dụng nguồn kinh phí thu được từ giá dịch vụ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước và chi cho công tác duy trì vệ sinh môi trường.

- Chỉ đạo các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND xã, phường, thị trấn tăng cường phối kết hợp trong công tác tuyên truyền, giám sát, nghiệm thu chất lượng duy trì vệ sinh môi trường và đảm bảo thu giá dịch vụ đúng, đủ theo quy định.

2.2. Các Sở, ngành:

- Cục Thuế thành phố Hà Nội khẩn trương hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ thu theo quy định.

- Các Sở: Xây dựng, Tài chính và Kho bạc nhà nước Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã tháo gỡ các vướng mắc có liên quan để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo gửi Sở Xây dựng để được hướng dẫn, trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, chủ trì tham mưu báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch: Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Doãn Toàn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PCVP_{T.V.Dũng, P.V.Chiến,}
ĐT, TKBT, KT;
- Lưu: VT, KT_{g. Anh}

8097 (47)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

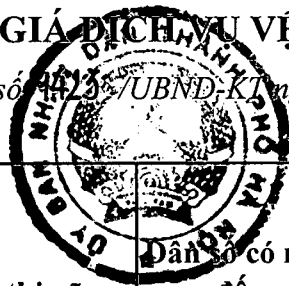


Nguyễn Doãn Toàn

GIAO THU GIÁ DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 4423/UBND-KT ngày 18 tháng 3 năm 2017 của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng



| STT | Quận, huyện, thị xã | Dân số có mặt đến 25/12/2016 | Tổng số | Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của cá nhân | Thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với rác thải công nghiệp thông thường |
|-----|------------------------|------------------------------------|----------------|--|---|
| | 1 | 5 | 6=7+8 | 7 | 8 |
| | Tổng cộng | 6.932.733 | 423.084 | 352.836 | 70.248 |
| 1 | UBND quận Hoàn Kiếm | 179.252 | 19.858 | 12.906 | 6.952 |
| 2 | UBND quận Ba Đình | 228.111 | 21.500 | 16.424 | 5.076 |
| 3 | UBND quận Đống Đa | 355.445 | 30.969 | 25.592 | 5.377 |
| 4 | UBND quận Hai Bà Trưng | 289.276 | 27.666 | 20.828 | 6.838 |
| 5 | UBND quận Thanh Xuân | 202.472 | 20.607 | 14.578 | 6.029 |
| 6 | UBND quận Tây Hồ | 130.362 | 12.606 | 9.386 | 3.220 |
| 7 | UBND quận Cầu Giấy | 173.311 | 19.114 | 12.478 | 6.636 |
| 8 | UBND quận Hoàng Mai | 306.095 | 25.068 | 22.039 | 3.029 |
| 9 | UBND quận Long Biên | 252.079 | 22.461 | 18.150 | 4.311 |
| 10 | UBND quận Hà Đông | 277.382 | 22.640 | 19.972 | 2.668 |
| 11 | UBND quận Nam Từ Liêm | 146.490 | 16.500 | 10.547 | 5.952 |
| 12 | UBND quận Bắc Từ Liêm | 186.716 | 16.156 | 13.444 | 2.713 |
| 13 | UBND thị xã Sơn Tây | 141.277 | 10.472 | 10.172 | 300 |
| 14 | UBND huyện Thanh Trì | 206.335 | 9.893 | 7.428 | 2.464 |
| 15 | UBND huyện Gia Lâm | 256.407 | 11.487 | 9.231 | 2.256 |
| 16 | UBND huyện Sóc Sơn | 314.989 | 11.640 | 11.340 | 300 |
| 17 | UBND huyện Đông Anh | 362.919 | 13.365 | 13.065 | 300 |
| 18 | UBND huyện Mê Linh | 215.971 | 8.075 | 7.775 | 300 |
| 19 | UBND huyện Quốc Oai | 192.825 | 7.242 | 6.942 | 300 |
| 20 | UBND huyện Chương Mỹ | 324.300 | 12.479 | 11.675 | 804 |
| 21 | UBND huyện Thanh Oai | 194.438 | 7.300 | 7.000 | 300 |
| 22 | UBND huyện Ứng Hòa | 223.539 | 8.435 | 8.047 | 388 |
| 23 | UBND huyện Mỹ Đức | 216.252 | 8.085 | 7.785 | 300 |
| 24 | UBND huyện Thường Tín | 250.444 | 9.316 | 9.016 | 300 |
| 25 | UBND huyện Phú Xuyên | 217.887 | 8.144 | 7.844 | 300 |
| 26 | UBND huyện Ba Vì | 295.518 | 10.939 | 10.639 | 300 |
| 27 | UBND huyện Phúc Thọ | 187.878 | 7.587 | 6.764 | 823 |
| 28 | UBND huyện Thạch Thất | 203.426 | 7.646 | 7.323 | 323 |
| 29 | UBND huyện Đan Phượng | 172.828 | 6.522 | 6.222 | 300 |
| 30 | UBND huyện Hoài Đức | 228.509 | 9.314 | 8.226 | 1.088 |